

Bản án số: 238/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 5 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Duy Bảo

2. Ông Trần Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Chiến, Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại: trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49a/2025/HNGĐST ngày 04 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 186/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: ZWIRKI I WIGURY 59 m.34 02-091 WARSZAWA, Cộng hòa B. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 2001; Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. (Uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng). Có mặt

- Bị đơn: Anh Hồ Sỹ T1, sinh năm 1983; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Cộng hòa B, không rõ địa chỉ cụ thể. Vắng mặt, lần thứ hai.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồ Sỹ H, sinh năm 1950 và bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1962. Cùng địa chỉ: xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong “Đơn khởi kiện” đề ngày 25/11/2024, Bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày: Chị và anh Hồ Sỹ T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/03/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó do bất đồng quan điểm sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo thời gian thì mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng. Sau nhiều lần hàn gắn thì cuộc sống vợ chồng vẫn không có nhiều tiến triển. Năm 2022, chị Y đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan, vợ chồng cắt đứt liên lạc, không còn quan tâm nhau về vật chất lẫn tinh thần. Theo chị Y, hiện nay anh T1 đang sinh sống và làm việc cũng tại Cộng hòa B nhưng chị không rõ địa chỉ, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hồ Sỹ T1.

Do đã lâu vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nên chị Y không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Hồ Sỹ T1 tại Cộng hòa B mà chỉ biết anh T1 vẫn thường xuyên liên lạc về với bố mẹ đẻ là ông Hồ Sỹ H, sinh năm 1950 và bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Ông H và bà H1 biết địa chỉ cụ thể của anh T1 ở nước ngoài nên đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Hồ Sỹ T1 có một con chung là cháu: Hồ Sỹ Minh C, sinh ngày 25/9/2018. Hiện nay, cháu C đang ở cùng ông Hồ Sỹ H, sinh năm 1950 và bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1962 tại xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Nay ly hôn, chị Y có nguyện vọng để chị Y nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Hiện nay chị Y đang ở nước ngoài nên tiếp tục nhờ ông bà nội trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến khi chị Y trở về nước.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Hồ Sỹ T1 vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Theo kết quả xác minh tại Công văn số 1611/QLXNC- Đ1 ngày

28 tháng 4 năm 2025 của Phòng Q - Công an tỉnh N: “Anh Hồ Sỹ T1, sinh ngày 10/5/1983 đã xuất cảnh ngày 06/12/2018 qua cửa khẩu S, chưa có thông tin nhập cảnh của đương sự”. Vì vậy, sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn đề nghị gia đình anh T1 cung cấp thông tin, địa chỉ của anh T1 ở nước ngoài; Quyết định đưa vụ án ra xét xử... nhưng anh T1 vẫn không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 19 tháng 3 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ H và bà Hoàng Thị H1 (bố, mẹ đẻ anh Hồ Sỹ T1) trình bày: Ông, bà là bố, mẹ đẻ của anh Hồ Sỹ T1. Ông, bà đã nhận được thông báo thụ lý, công văn yêu cầu cung cấp thông tin địa chỉ của anh Hồ Sỹ T1 tại nước ngoài và các nội dung khác liên quan đến vụ án ly hôn giữa chị Y và anh T1. Đối với việc ly hôn giữa chị Y và anh T1 ông, bà có ý kiến như sau: Anh Hồ Sỹ T1 và chị Nguyễn Thị Y tự nguyện kết hôn với nhau tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 chung là cháu: Hồ Sỹ Minh C, sinh ngày 25/9/2018 hiện nay đang ở cùng ông H, bà H1. Anh T1 hiện nay đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, địa chỉ như thế nào thì ông, bà không rõ. Anh T1 thường xuyên liên lạc với vợ chồng ông bà qua mạng xã hội Facebook, Zalo,... và qua điện thoại. Sau khi nhận được văn bản của Tòa án, ông bà đã thông tin cho anh T1 biết để cung cấp địa chỉ nơi cư trú tại nước ngoài và trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung chưa thành niên cho Tòa án nhưng anh T1 không cung cấp. Về việc ly hôn với chị Y, qua liên lạc thì anh T1 cũng đồng ý. Về việc nuôi con chung, anh T1 cũng đồng ý để chị Y chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Từ khi anh T1 và chị Y đi nước ngoài đến nay, cháu C sinh sống cùng vợ chồng ông, bà và ông, bà đồng ý hỗ trợ nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh T1, chị Y phải thanh toán mọi chi phí nuôi dưỡng cháu cho ông bà từ trước đến nay. Nay, chị Y anh T1 ly hôn ông bà tôn trọng ý kiến của hai anh chị và sẽ tiếp tục giúp anh chị nuôi dưỡng cháu cho đến khi chị Y trở về nước.

Hiện nay, do điều kiện đi lại khó khăn, sức khoẻ yếu nên ông, bà đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định tại

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 122, 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Hồ Sỹ T1.

+ Về con chung: Giao cháu Hồ Sỹ Minh C, sinh ngày 25/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Hồ Sỹ T1 do chị Y chưa có yêu cầu. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Sỹ H và bà Hoàng Thị H1 trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hồ Sỹ Minh C thay chị Y đến khi về nước.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 25 tháng 11 năm 2024, chị Nguyễn Thị Y có đơn khởi kiện gửi tới Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Hồ Sỹ T1. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì chị Y và anh T1 đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; chị Y có chỗ ở hiện nay tại: ZWIRKI I WIGURY 59 m.34 02-091 WARSZAWA, Cộng hòa B còn anh Hồ Sỹ T1 hiện nay đang sinh sống và lao động cũng tại Cộng hòa B (không rõ địa chỉ cụ thể) nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, 123 và 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Hồ Sỹ T1 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ H và bà Hoàng Thị H1 đã có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Hồ Sỹ T1, hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An nhưng đã xuất cảnh đi lao động tại nước ngoài từ năm 2018, không có mặt tại địa phương mà không thông báo địa chỉ nơi cư trú hiện nay. Tòa án đã có công văn yêu cầu cung cấp địa chỉ anh T1 ở nước ngoài nhưng theo ông H, bà H1 (cha, mẹ đẻ anh T1) thì anh T1 tuy vẫn có liên hệ với gia đình và đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Y nhưng vẫn không cung cấp địa chỉ cụ thể, không gửi lời khai về nên gia đình không có đề cung cấp cho Tòa án. Do đó, cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hồ Sỹ T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Sỹ H và bà Hoàng Thị H1.

[2]. Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Y và anh Hồ Sỹ T1 được xác lập trên cơ sở do hai người tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận nhưng hạnh phúc gia đình không xây dựng được lâu dài do hai anh chị có nhiều bất đồng trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thiếu sự thông cảm lẫn nhau nên thường xảy ra xung đột. Sau khi chị Y đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài và anh T1 cũng đi nước ngoài thì do khoảng cách địa lý sống xa nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hai anh chị đã cắt đứt mọi quan hệ, không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 lại không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không cung cấp được chứng cứ gì về phương án khắc phục tình trạng vợ chồng. Hội đồng xét thấy, thời gian vợ chồng chung sống với nhau là không dài nhưng đã ly thân nhiều năm nay mà cả hai bên đương sự đều không có giải pháp gì để đoàn tụ, nguyên đơn chị Y vẫn kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Y yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Y, ông H và bà H1 đều thống nhất trình bày: Vợ chồng chị Y và anh T1 có 01 con chung là cháu Hồ Sỹ Minh C, sinh ngày 25/9/2018. Hiện nay cháu C đang ở cùng ông bà nội là

ông Hồ Sỹ H và bà Hoàng Thị H1. Nay ly hôn, chị Y đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, đề nghị Toà án tạm giao cháu C cho ông H và bà H1 chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi chị Y về nước; không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông H, bà H1 đồng ý tự nguyện tiếp tục nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cho đến khi chị Y trở về nước. Hội đồng xét thấy: Theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Hiện nay, chị Y và anh T1 đều đang ở nước ngoài, tuy nhiên anh T1 không có địa chỉ cụ thể, bố mẹ đẻ anh T1 cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi cư trú của anh T1 tại nước ngoài cho Toà án để tiến hành xác minh, lấy lời khai về yêu cầu khởi kiện của chị Y. Do đó yêu cầu được nuôi con của chị Y là hoàn toàn chính đáng. Vì vậy, cần giao cháu C cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp với hoàn cảnh thực tế về việc nuôi con và điều kiện hoàn cảnh của các bên, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Chị Y xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C nhưng không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Toà án chưa xem xét.

Tuy nhiên, do hiện nay chị Nguyễn Thị Y đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa B, chưa có điều kiện về Việt Nam chăm sóc cháu C nên chị Y đề nghị Toà án tạm thời giao cháu C cho ông bà nội là ông Hồ Sỹ H và bà Hoàng Thị H1 tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng thay cho chị Y đến khi chị Y trở về nước. Ông Hồ Sỹ H và bà Hoàng Thị H1 (bố, mẹ đẻ của anh T1) cũng đồng ý tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu C cho đến khi chị Y về nước. Xét thấy: từ khi chị Y và anh T1 đi nước ngoài đến nay, cháu C đã sinh sống với ông, bà nội là ông Hồ Sỹ H và bà Hoàng Thị H1, được chăm sóc phát triển hoàn toàn bình thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, tạm giao cháu Hồ Sỹ Minh C cho ông bà nội là ông Hồ Sỹ H và bà Hoàng Thị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị Y về nước.

Về công sức trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Hồ Sỹ Minh C: ông H, bà H1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu từ nhỏ đến nay nhưng không yêu cầu chị Y, anh T1 phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, chị Y không yêu cầu Toà án giải quyết, anh T1 cũng chưa có ý kiến gì nên Toà án chưa có cơ sở xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 469, Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 104, 122, 123, 124, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Hồ Sỹ T1.

2. *Về quan hệ con chung*: Giao con chung Hồ Sỹ Minh C, sinh ngày 25/9/2018 cho chị Nguyễn Thị Y chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Sỹ H và bà Hoàng Thị H1 nhận trách nhiệm tiếp tục quản lý, chăm sóc cháu Hồ Sỹ Minh C cho đến khi chị Y về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu và anh Hồ Sỹ T1 cũng chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét.

Anh Hồ Sỹ T1 có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về công sức trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Hồ Sỹ Minh C: ông H và bà H1 không yêu cầu chị Y và anh T1 phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

3. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu và anh Hồ Sỹ T1 chưa có ý kiến gì nên Tòa án không giải quyết. Dành quyền khởi kiện liên quan đến chia tài sản chung, nợ chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013882 ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn như sau: Ông Hồ Sỹ H và bà Hoàng Thị H1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Y và anh Hồ Sỹ T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nam Cát, huyện Nam Đàn
(theo Giấy ĐKKH số 13/2017 ngày 13/3/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Nga